

GIẢI PHẪU RĂNG

§ BÀI MỞ ĐẦU

Bài giảng cho sinh viên chuyên khoa răng hàm mặt

NGND, GS BS Hoàng Tử Hùng

tuhung.hoang@gmail.com

Website: www.hoangtuhung.com

1. Môn học giải phẫu răng

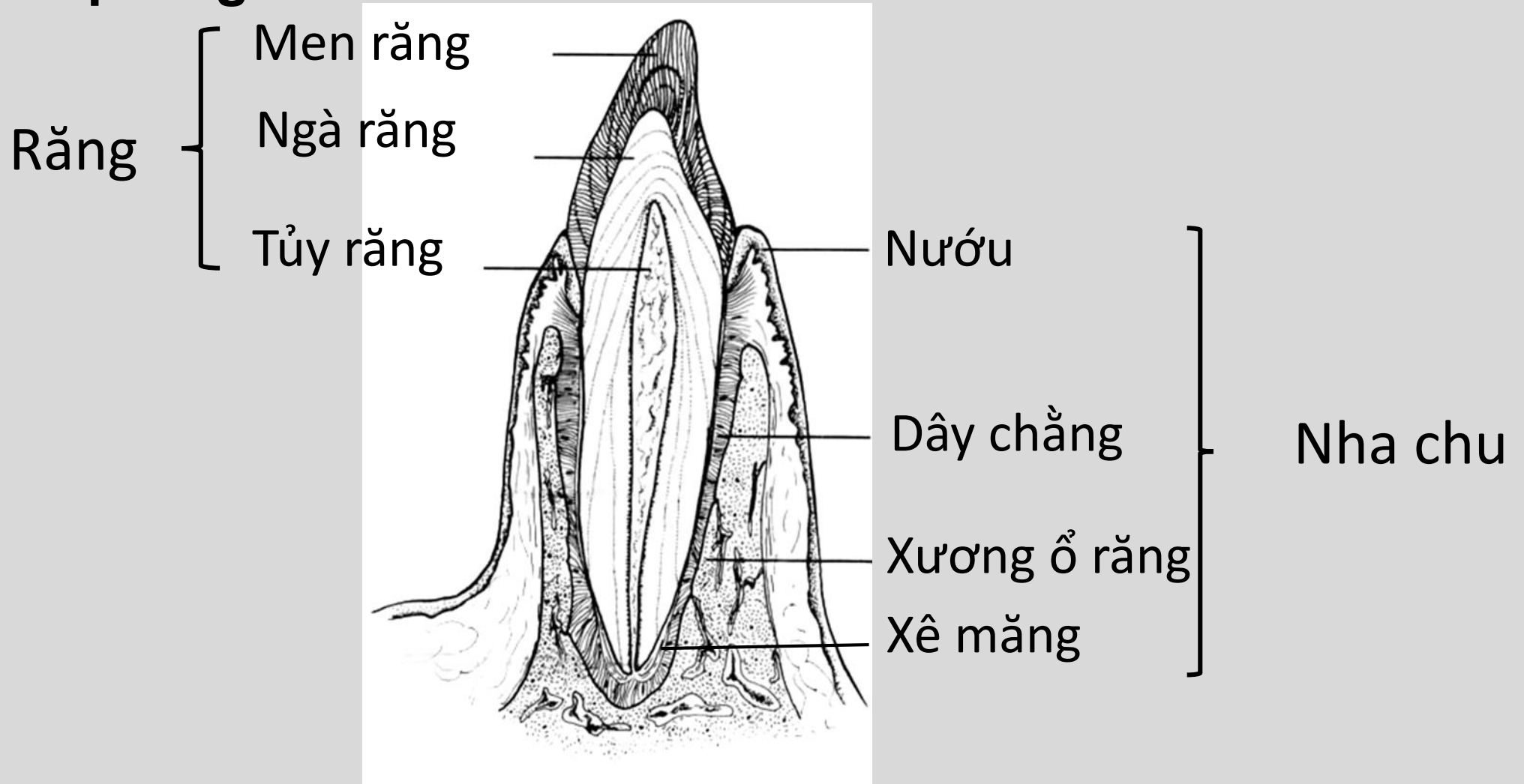
Giải phẫu răng là một môn nha khoa cơ sở nghiên cứu hình thái, cấu tạo của từng răng, tương quan giữa các răng trên cung răng và tương quan giữa hai cung răng.

Trong Nha khoa, đối tượng nghiên cứu của giải phẫu răng là
răng và bộ răng người.

Trong các ngành khoa học khác (sinh học so sánh, sinh học tiến hoá, cổ sinh học, khảo cổ học, cổ nhân học, nhân học, dân tộc học, xã hội học...răng và bộ răng (người và các động vật khác), cũng được nghiên cứu, nhiều trường hợp là tư liệu nghiên cứu rất quan trọng, thậm chí là tư liệu duy nhất và có giá trị nhất của nghiên cứu.

2. Cơ quan răng và Bộ răng

Cơ quan răng gồm **răng** và **nha chu** (quanh răng),
là **đơn vị hình thái và chức năng của bộ răng**



Bộ răng là sự sắp xếp có tổ chức của các cơ quan răng

3. Răng và bộ răng là thành phần của hệ thống nhai

Hệ thống nhai là một tổng thể, một đơn vị chức năng, bao gồm: răng&nha chu, xương hàm, khớp thái dương hàm, cơ hàm, hệ thống môi-má-lưỡi, tuyến nước bọt, hệ thống mạch máu và thần kinh nuôi dưỡng và chi phối các cơ quan đó.

Hệ thống nhai không chỉ đảm nhiệm chức năng nhai, nuốt...mà còn thực hiện hoặc tham gia thực hiện nhiều chức năng khác: nói, thể hiện tình cảm...;

Như vậy, HTN có hai chức năng chính:

- Chức năng sinh học (nguyên thủy): nuốt, bú, nhai
- Chức năng xã hội: Giao tiếp và Biểu cảm

Hệ thống nhai đóng vai trò quan trọng trong sức khỏe và hạnh phúc con người

4. Răng sữa và Bộ răng sữa

Dấu hiệu hình thành răng:

Phôi ngày thứ 28

Lúc mới sinh:

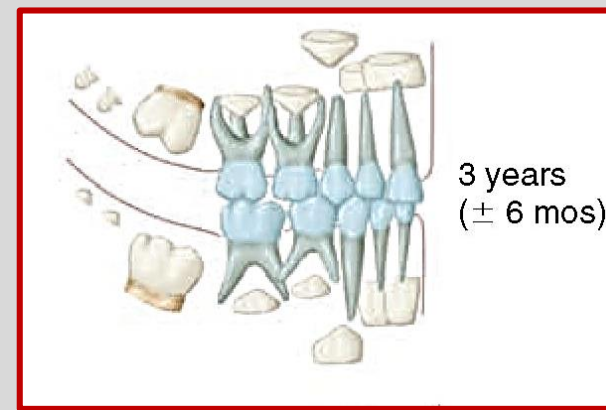
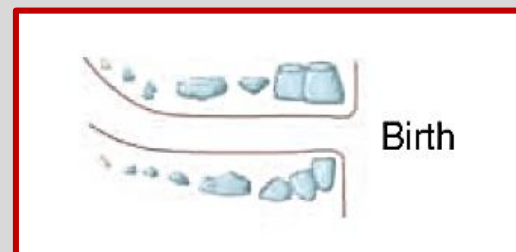
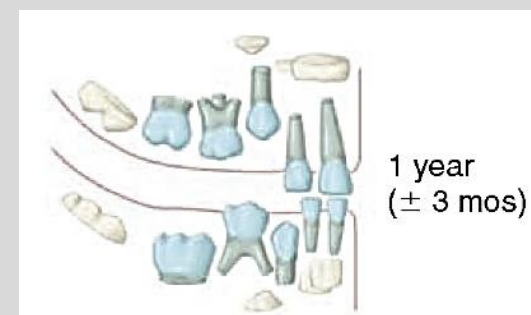
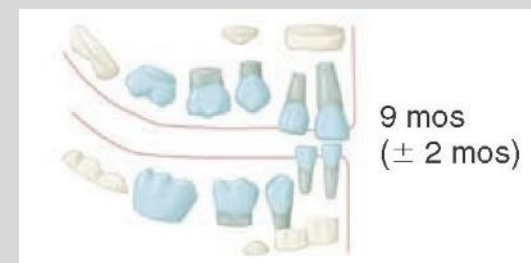
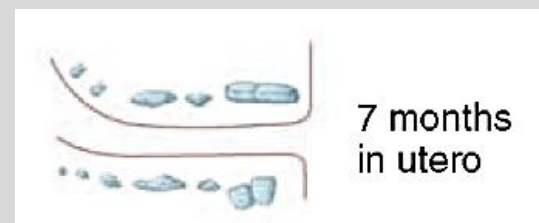
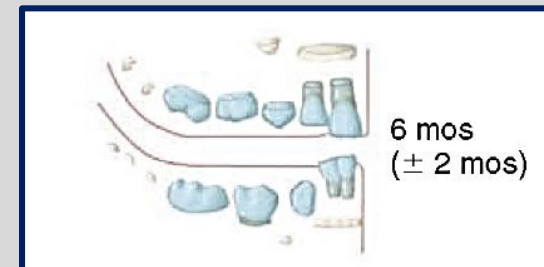
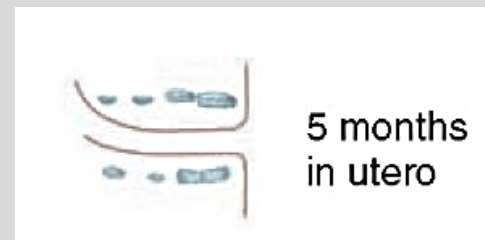
Không có răng trong miệng.

Có mầm các răng sữa và răng 6 tuổi ở các giai đoạn phát triển khác nhau.

Bộ răng sữa là bộ răng tạm thời

Bắt đầu mọc lúc 6 - 8 tháng tuổi,

Mọc đầy đủ lúc 24-36 tháng



BỘ RĂNG SỮA

20 răng, 10 trên + 10 dưới (5 răng mỗi nửa hàm)

NHÓM RĂNG, TÊN RĂNG



Răng cửa giữa sữa

Răng cửa bên sữa

Răng nanh sữa

Răng cối sữa thứ nhất

Răng cối sữa thứ hai

Nhóm răng cửa sữa

Nhóm răng nanh sữa

Nhóm răng cối sữa

TUỔI MỌC

I- Răng cửa giữa sữa:	9 tháng
II- Răng cửa bên sữa:	12 tháng
IV- Răng cối sữa thứ nhất:	15 tháng
III- Răng nanh sữa:	20 tháng
V- Răng cối sữa thứ hai:	30 tháng

Trên cả hai bộ răng: - **Răng trước**: các răng cửa và răng nanh
- **Răng sau**: các răng cối

5. Răng vĩnh viễn và Bộ răng vĩnh viễn

Khoảng 6 tuổi:

Mọc các răng vĩnh viễn đầu tiên:

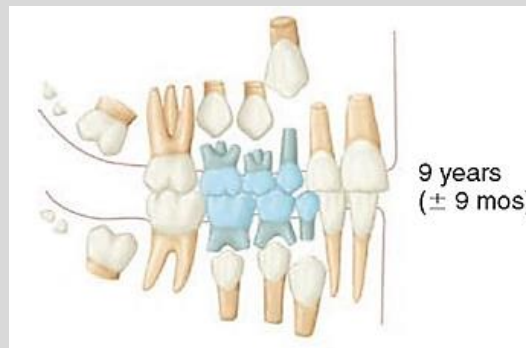
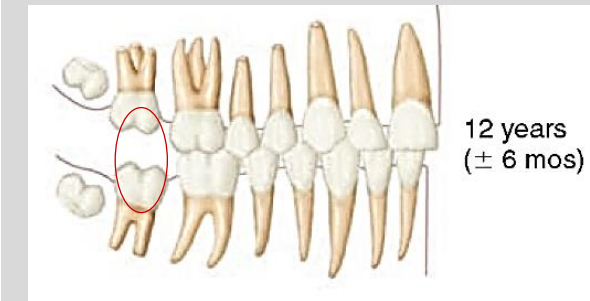
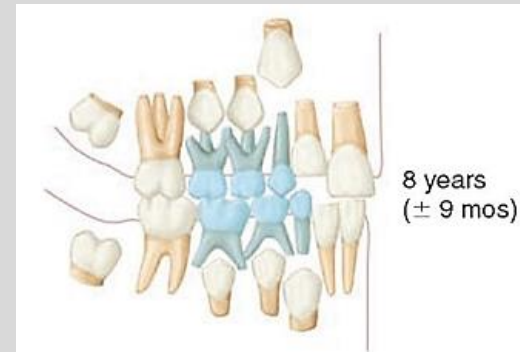
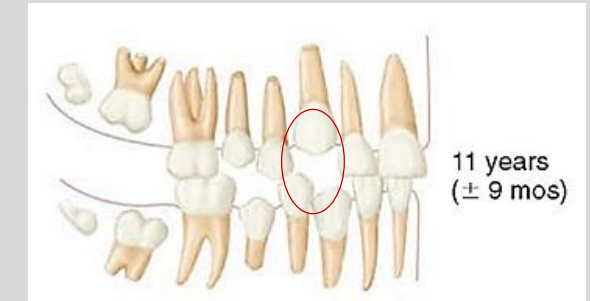
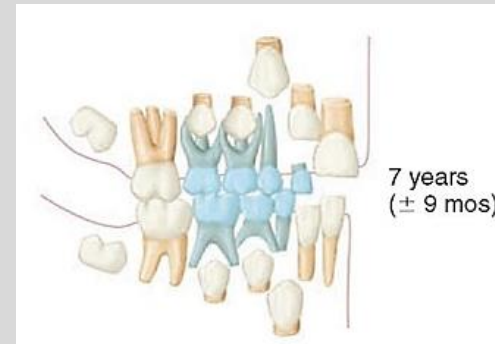
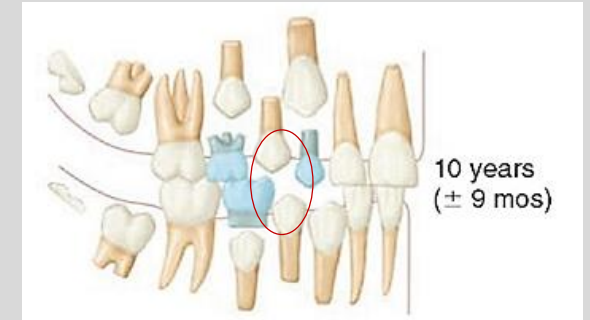
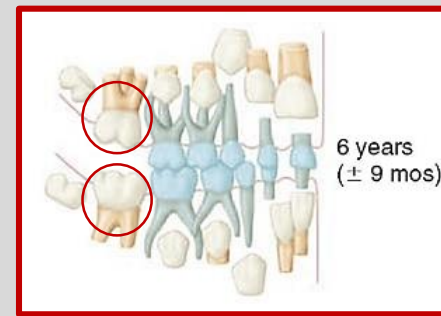
răng “số 6” (r. sáu tuổi, r. cối lớn thứ nhất)

Các răng vĩnh viễn **lần lượt mọc**

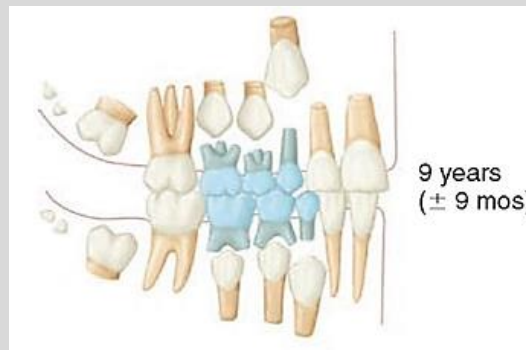
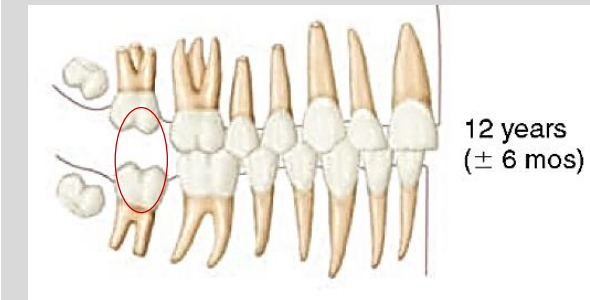
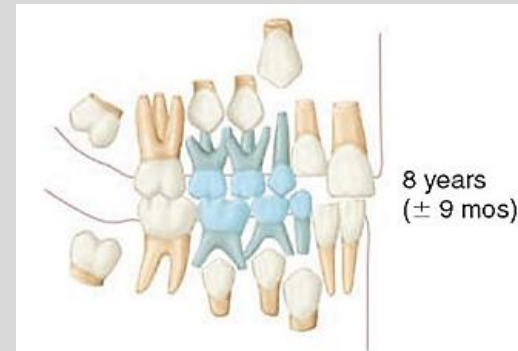
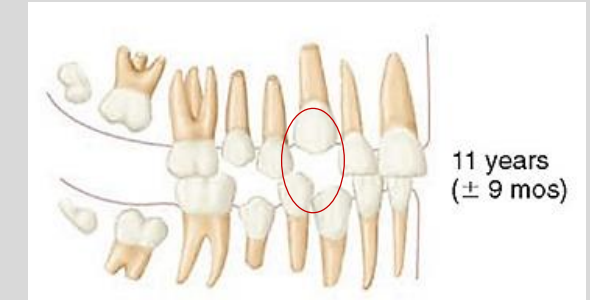
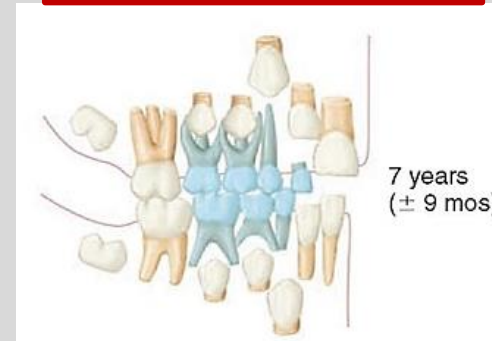
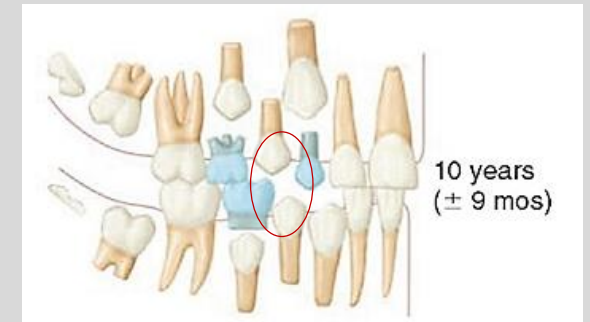
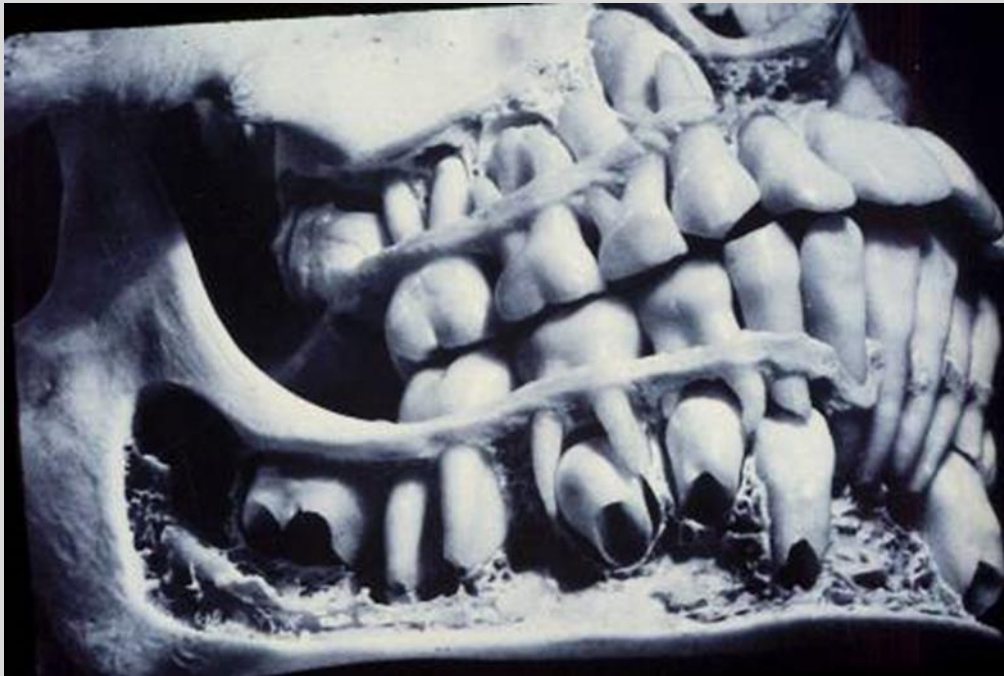
thay thế các răng sữa (răng thay thế).

Bộ răng vĩnh viễn mọc đầy đủ ở tuổi 18-25.

Giai đoạn từ 6-7 tuổi đến 11-12 tuổi,
có hai loại răng cùng tồn tại,
gọi là **bộ răng (hàm răng) chuyển tiếp**
(hỗn hợp.)



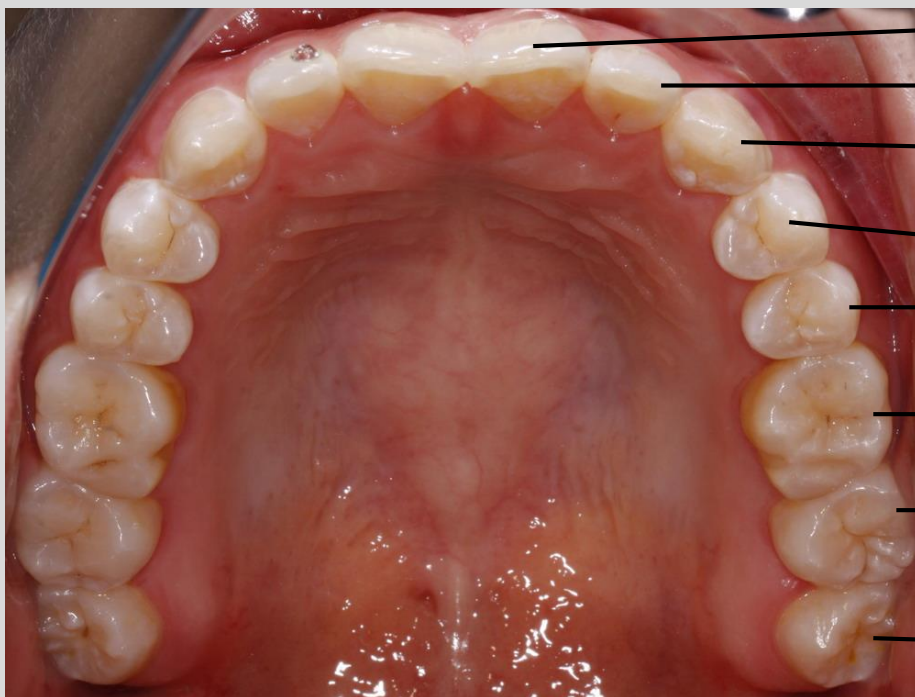
Bộ răng chuyển tiếp (hỗn hợp) và Thành lập bộ răng vĩnh viễn



BỘ RĂNG VĨNH VIỄN

NHÓM RĂNG, TÊN RĂNG

32 răng, 16 trên + 16 dưới
8 răng mỗi nửa hàm



Răng cửa giữa

Răng cửa bên

Răng nanh

Răng cối nhỏ thứ I

Răng cối nhỏ thứ II

Răng cối lớn thứ I

Răng cối lớn thứ II

Răng cối lớn thứ III

Nhóm răng cửa

Nhóm răng nanh

Nhóm răng cối nhỏ

Nhóm răng cối lớn

TUỔI MỌC

1-Răng cửa giữa:

6 - 7 tuổi

2- Răng cửa bên:

8 - 9 tuổi

3- Răng nanh:

10 - 11 tuổi

4- Răng cối nhỏ thứ I:

9 - 10 tuổi

5- Răng cối nhỏ thứ II:

10 - 11 tuổi

6- Răng cối lớn thứ I:

6 tuổi

(răng 6 tuổi)

7- Răng cối lớn thứ II:

12 tuổi

(răng 12 tuổi)

8- Răng cối lớn thứ III:

18 - 25 tuổi

(răng khôn)

Bộ răng gồm:

Hai loại (bộ) răng:

- răng sữa (20 răng)
- răng vĩnh viễn (32 răng)

Hai cung răng:

- cung răng trên
- cung răng dưới

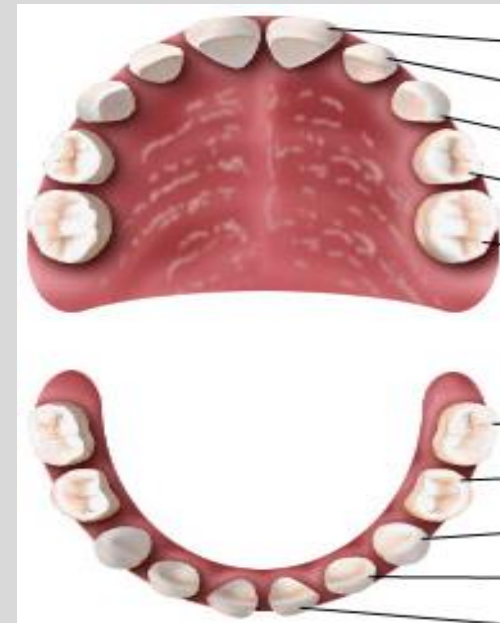


Bốn phần hàm:

- Trên (phải / trái)
- Dưới (phải / trái)

Sáu vùng lục phân

hai vùng sau & một vùng trước
ở mỗi cung răng



6. SƠ ĐỒ RĂNG VÀ KÝ HIỆU

Một răng được gọi tên đầy đủ với tên răng, hàm trên hay hàm dưới, bên phải hay bên trái

Thí dụ: Răng cối lớn I hàm trên bên phải,
 Răng cối nhỏ II hàm dưới bên trái.
 Răng cửa giữa sữa hàm trên bên phải.
 Răng nanh sữa hàm dưới bên phải.

6.1. Sơ đồ răng

Là sơ đồ biểu diễn từng răng theo vị trí trên các phần tư hàm của hai hàm. Sơ đồ răng cũng có thể là hình vẽ cung răng hoặc các mặt răng đơn giản hóa dùng trong mô tả, chẩn đoán, điều trị...

6.2. Ký hiệu răng

Trong thực hành và trong các văn bản (bệnh án, các báo cáo thống kê hoặc văn bản khoa học) để ghi răng, người ta thường sử dụng hai hệ thống ký hiệu:

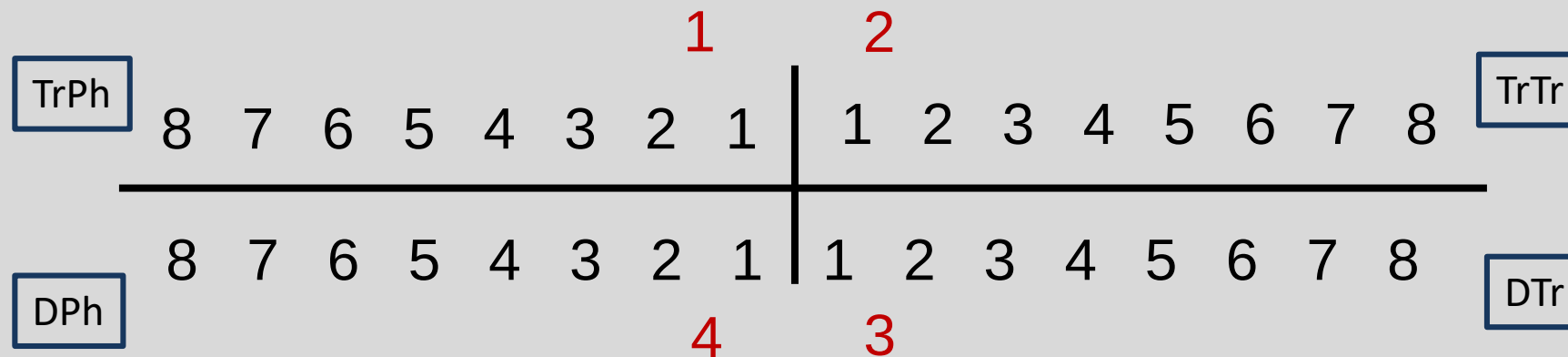
1. Ký hiệu góc phần tư hàm và chữ số chỉ tên răng
2. Ký hiệu gồm hai chữ số: gồm chữ số chỉ phần tư hàm và chữ số chỉ tên răng.

Các phần tư hàm được đánh số từ 1 đến 4 đối với răng vĩnh viễn, từ 5 đến 8 cho răng sữa (theo chiều kim đồng hồ từ góc trên phải).

(3) Ký hiệu đánh số từ 1 đến 32

Bộ răng vĩnh viễn

Sơ đồ răng



Ký hiệu răng

1- Ký hiệu góc phần tư

td. răng cối lớn thứ nhất hàm trên bên trái: 6

2- Ký hiệu hai chữ số: đánh số các góc theo chiều kim đồng hồ từ góc trên-phải

11: răng “một một”: răng cửa giữa hàm trên bên phải (không đọc “mười một”)

37: răng “ba bảy”: răng cối lớn 2 hàm dưới bên trái...

Bộ răng sữa

Tên răng



Răng cửa giữa sữa, răng số I, răng A

Răng cửa bên sữa, răng số II, răng B

Răng nanh sữa, răng số III, răng C

Răng cối sữa thứ I, răng số IV, răng D

Răng cối sữa thứ II, răng số V, răng E

Sơ đồ răng

5					6					
V (E)	IV (D)	III (C)	II (B)	I (A)	I (A)	II (B)	III (C)	IV (D)	V (E)	
8					7					
V (E)	IV (D)	III (C)	II (B)	I (A)	I (A)	II (B)	III (C)	IV (D)	V (E)	

Ký hiệu răng

1- Ký hiệu góc phần tư, thí dụ III răng nanh sữa hàm trên bên trái

2- Ký hiệu hai chữ số: đánh số các góc theo chiều kim đồng hồ từ trên – phải

52: răng “năm hai”: răng cửa bên sữa hàm trên bên phải

71: răng “bảy một”: răng cửa giữa sữa hàm dưới bên trái

7. Công thức răng (nha thức)

Là một dãy chữ và số, dùng để biểu diễn số lượng răng của từng nhóm răng ở một bên hàm (gồm nửa hàm trên và nửa hàm dưới).

Công thức răng được dùng phổ biến trong phân loại học động vật.

Công thức bộ răng sữa của người:

$$\text{Cửa } \frac{2}{2} \quad \text{Nanh } \frac{1}{1} \quad \text{Cối sữa } \frac{2}{2} = 10$$

Công thức bộ răng vĩnh viễn của người:

$$\text{Cửa } \frac{2}{2} \quad \text{Nanh } \frac{1}{1} \quad \text{Cối nhỏ } \frac{2}{2} \quad \text{Cối lớn } \frac{3}{3} = 16$$

8. PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP GIẢI PHẪU RĂNG

8.1. Lý thuyết

1. học tập giải phẫu răng theo các nguyên tắc trực quan kết hợp với vận dụng tưởng tượng, liên hệ và suy luận.

** Trực quan:*

- Đối chiếu các mô tả trong bài giảng với quan sát răng trên miệng
quan sát răng khô, mẫu hàm, mô hình, tranh vẽ.
- Khi học về hình thái, cấu trúc buồng tủy, ống tủy, phải quan sát các mặt cắt trên răng khô, hình ảnh phim tia X.

** Tưởng tượng, liên hệ và suy luận:*

- Liên hệ những quy luật hình thái, các khái niệm và thuật ngữ với từng răng, nhóm răng, cung răng và giữa hai cung răng.
- Tưởng tượng về mối tương quan giữa các răng trên cung răng, giữa hai cung răng, giữa răng và các thành phần khác của hệ thống nhai.
- Liên hệ được mối quan hệ giữa hình thái cấu trúc với chức năng của răng

8.2. Thực hành

Thực hành: giúp tái hiện, củng cố những chi tiết đã học trong lý thuyết.

Rèn luyện tính kiên nhẫn, cần cù, tỉ mỉ, chính xác bên cạnh những đòi hỏi về kỹ thuật thực hiện bản vẽ hoặc điêu khắc.

Thực hành giải phẫu răng gồm:

- Vẽ và điêu khắc răng bằng thạch cao,
- Điêu khắc răng bằng phương pháp thêm sáp
- Bồi đắp răng khô

→ Rèn luyện các kỹ năng tâm thần vận động, khả năng nhận xét và lặp lại hình ảnh trên mặt phẳng và hình khối trong không gian.

→ Rèn luyện óc thẩm mỹ và một số kỹ năng đồ họa, tạo hình, rất cần thiết trong các ứng dụng nghề nghiệp sau này của bác sĩ răng hàm mặt.

Dental Anatomy Terms

Masticatory system

Dentition

Deciduous ~

Primary ~

Permanent ~

Secondary ~

Transitional ~

Mixed ~

Teeth / Dental

~ enamel

Dentin(e)

~ pulp

Periodontium / periodontal

Cementum

~ ligament/membrane

Gingivae

Alveolar bone

Anterior Teeth

- Maxillary
 - Central Incisor (*right and left*)
 - Lateral Incisor (*right and left*)
 - Canine (*right and left*)
- Mandibular
 - Central Incisor (*right and left*)
 - Lateral Incisor (*right and left*)
 - Canine (*right and left*)

Posterior Teeth

■ Maxillary

- 1st Premolar (*right and left*)
- 2nd Premolar (*right and left*)
- 1st Molar (*right and left*)
- 2nd Molar (*right and left*)
- 3rd Molar (Wisdom tooth) (*right and left*)

■ Mandibular

- 1st Premolar (*right and left*)
- 2nd Premolar (*right and left*)
- 1st Molar (*right and left*)
- 2nd Molar (*right and left*)
- 3rd Molar (Wisdom tooth) (*right and left*)

division

■ 2 Arches:

Maxillary

Mandibular

■ 4 Quadrants:

Maxillary Arch

- Right quadrant
- Left quadrant

Mandibular Arch

Right quadrant
Left quadrant

■ 6 Sextants

Maxillary Arch

- Right posterior sextant
- Anterior sextant
- Left posterior sextant

Mandibular Arch

Right posterior sextant
Anterior sextant
Left posterior sextant